

*
Số -KH/ĐU

Thái Tân, ngày tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 12/02/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở mức 2 con số giai đoạn 2026- 2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững giai đoạn đến năm 2045

Thực hiện Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 12/02/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở mức 2 con số giai đoạn 2026 - 2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững giai đoạn đến năm 2045 (Chương trình số 16-CTr/TU), Ban Thường vụ Đảng ủy xã Thái Tân ban hành kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội; các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chương trình số 16-CTr/TU, phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã, nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế ở mức 2 con số giai đoạn 2026- 2030.

- Tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ, chính quyền, hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân; phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương; huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển; thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nhanh, bền vững, nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng suất lao động.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; gắn phát triển kinh tế với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, củng cố quốc phòng- an ninh; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội của xã đến năm 2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững giai đoạn đến năm 2045.

2. Yêu cầu

- Bám sát quan điểm chỉ đạo của Thành ủy, các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026- 2030 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã; cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phù hợp với điều kiện thực tiễn, bảo đảm khả thi, hiệu quả. Thực hiện nghiêm nguyên tắc “6 rõ”: Rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ nguồn lực, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ.

- Quá trình triển khai thực hiện kế hoạch phải bám sát chủ trương, nghị quyết của Trung ương và của thành phố; đồng thời phải thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm và bổ sung, cập nhật những chủ trương, nhiệm vụ mới để đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn; đề cao tinh thần chủ động, quyết tâm, quyết liệt, đoàn kết, đổi mới, sáng tạo để tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ đề ra.

B. NỘI DUNG

I. Triển khai thực hiện các chương trình, Nghị quyết của Thành uỷ

1. Chương trình thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW, ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa xã Thái Tân (theo Kế hoạch số 44-KH/TU, ngày 30/3/2026 của Ban Thường vụ Đảng uỷ thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW, ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị)

1.1. Mục tiêu

a. Đến năm 2030

- Phân đầu đa dạng hóa các nguồn cung cấp điện, các nguồn điện sạch, nguồn năng lượng tái tạo: Điện mặt trời; bảo đảm cung cấp năng lượng ổn định, an toàn, bền vững phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã Thái Tân, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn.

- Thúc đẩy phát triển hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng thiết bị tiết kiệm điện hoặc ứng dụng năng lượng tái tạo (*điện mặt trời, biogas...*).

- Nâng cao độ ổn định, tin cậy cung cấp điện và giảm thiểu tổn thất điện năng, sử dụng điện tiết kiệm và hiệu quả, ưu tiên thu hút đầu tư những dự án có công nghệ hiện đại tiêu thụ ít năng lượng.

- Phân đầu đạt tỷ lệ tiết kiệm năng lượng từ 8% - 10% trên tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng của toàn xã so với kịch bản phát triển thông thường.

b. Tầm nhìn đến năm 2045

Hệ thống sử dụng năng lượng trên địa bàn xã an toàn, ổn định, thân thiện với môi trường; năng lượng tái tạo trở thành nguồn bổ trợ quan trọng trong cơ cấu năng lượng địa phương.

1.2. Các hoạt động chính

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia của cả hệ thống chính trị và Nhân dân trong bảo đảm an ninh năng lượng.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi sử dụng năng lượng.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả tại cơ quan, đơn vị và khu dân cư.

- Phát triển năng lượng tái tạo quy mô nhỏ, phù hợp với điều kiện thực tế của xã.

1.3. Cơ quan chủ trì: UBND xã.

1.4. Đơn vị phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

1.5. Tiến độ thực hiện, thời gian hoàn thành: Giai đoạn 2026 - 2030.

1.6. Nguồn lực thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

2. Chương trình thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới (theo Chương trình hành động số 06-CTr/TU ngày 24/9/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới)

2.1. Mục tiêu

Tổ chức triển khai đồng bộ các nghị quyết, chương trình hành động; tập trung tháo gỡ các “điểm nghẽn” về pháp luật. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, minh bạch, khả thi và thực thi nghiêm minh.

2.2. Hoạt động chính

- Đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng trong công tác xây dựng pháp luật, phát huy cao độ tính Đảng trong xây dựng và thi hành pháp luật.

- Đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển.

- Tạo đột phá trong công tác thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật.

- Nâng cao hiệu quả công tác hợp tác quốc tế, pháp luật quốc tế.

- Xây dựng giải pháp đột phá nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp luật.

- Tăng cường chuyên đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật.

- Thực hiện cơ chế tài chính đặc biệt cho công tác xây dựng và thi hành pháp luật.

2.3. Cơ quan chủ trì tham mưu: UBND xã.

2.4. Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2.5. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030.

2.6. Nguồn lực thực hiện: từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

3. Chương trình thực hiện đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Thực hiện theo Kế hoạch số 12-KH/TU ngày 7/10/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024)

3.1. Mục tiêu

a. Đến năm 2030

- Phát triển hạ tầng số đồng bộ, bảo đảm phủ sóng 5G 100% và người dân được tiếp cận internet băng rộng tốc độ cao. Tăng cường đầu tư cho khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ, công chức và mở rộng tiếp cận dịch vụ số cho người dân.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục, triển khai kỹ năng số, STEM và đổi mới sáng tạo; phát triển nguồn nhân lực khoa học - công nghệ. Ứng dụng công nghệ mới như AI, IoT, Big Data trong quản lý và đời sống. Đồng thời, hoàn thiện chính quyền số với 100% thủ tục hành chính được số hóa, tăng tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến, phát triển định danh điện tử, chữ ký số và thúc đẩy thương mại điện tử trên địa bàn.

b) Đến hết năm 2035

- Phát triển hạ tầng số hiện đại với phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 50% (*tuy nhiên chỉ số này phụ thuộc chủ yếu vào hạ tầng mạng viễn thông*).

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong giáo dục và phát triển nguồn nhân lực đổi mới sáng tạo; làm chủ và ứng dụng các công nghệ số tiên tiến như AI, IoT, dữ liệu lớn trong quản lý và đời sống. Đồng thời, hoàn thiện chính quyền số với 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tăng tỷ lệ xử lý hồ sơ trực tuyến, phổ cập định danh điện tử, chữ ký số và sử dụng thống nhất hệ thống quản trị điều hành.

c) Đến hết năm 2040

- Phát triển hạ tầng số với phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 80% (*tuy nhiên chỉ số này phụ thuộc chủ yếu vào hạ tầng mạng viễn thông*); nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và mức độ tiếp cận, sử dụng dịch vụ số của người dân.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong giáo dục, đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ tiên tiến như AI, IoT, dữ liệu lớn trong quản lý và đời sống.

- Hoàn thiện chính quyền số với 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến, phổ cập định danh điện tử, chữ ký số và sử dụng thống nhất hệ thống quản trị điều hành.

d) Đến hết năm 2045

- Phát triển hạ tầng số hiện đại với phủ sóng 6G toàn diện; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo đảm người dân tiếp cận và sử dụng rộng rãi dịch vụ số.

- Hoàn thiện chuyển đổi số toàn diện với 100% dịch vụ công trực tuyến, hồ sơ xử lý số hóa, phổ cập định danh điện tử và chữ ký số; đẩy mạnh ứng dụng AI, IoT, dữ liệu lớn trong quản trị, điều hành. Đồng thời, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội, xây dựng môi trường sống hiện đại, an toàn, tiện ích cho người dân.

3.2. Hoạt động chính

- Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã về phát triển ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể, chi tiết, khả thi gắn với điều kiện thực tế của xã Thái Tân.

- Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Triển khai kế hoạch bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh.

- Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp.

- Tăng cường hợp tác trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3.3. Cơ quan chủ trì tham mưu: UBND xã.

3.4. Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

3.5. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030.

3.6. Nguồn lực thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

4. Chương trình phát triển kinh tế tư nhân (Thực hiện theo Kế hoạch số 07-KH/TU ngày 25/7/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân)

4.1. Mục tiêu

a. Đến năm 2030

- Phấn đấu tuyên truyền có từ 50-100 doanh nghiệp phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, thực chất trên địa bàn xã.

- Thực hiện đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số; nâng cao số lao động được tạo việc làm mới hàng năm.

b. Tầm nhìn đến năm 2045

Kinh tế tư nhân phát triển nhanh, mạnh, bền vững, chủ động tham gia vào chuỗi sản xuất, có năng lực cạnh tranh cao, phấn đấu đến năm 2045 có khoảng 150 doanh nghiệp hoạt động.

4.2. Hoạt động chính

- Tổ chức tuyên truyền nhằm đổi mới tư duy, thống nhất cao về nhận thức và hành động, khơi dậy niềm tin, khát vọng dân tộc, tạo xung lực mới, khí thế mới để phát triển kinh tế tư nhân.

- Tích cực tham gia cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách, bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, quyền cạnh tranh bình đẳng và bảo đảm thực thi hợp đồng của kinh tế tư nhân.

- Tạo thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận các nguồn lực về đất đai, vốn, nhân lực chất lượng cao, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ.

- Thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyên đổi số, chuyên đổi xanh, kinh doanh bền vững trong kinh tế tư nhân.

- Tăng cường kết nối doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI.

- Hình thành và phát triển nhanh các doanh nghiệp vừa và nhỏ từng bước tạo nền tảng cho doanh nghiệp quy mô lớn.

- Hỗ trợ hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh.

- Đề cao đạo đức kinh doanh, phát huy trách nhiệm xã hội, thúc đẩy mạnh mẽ tinh thần kinh doanh, tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nhân tham gia quản trị đất nước.

4.3. Cơ quan chủ trì tham mưu: UBND xã.

4.4. Cơ quan phối hợp: Các cấp ủy đảng; cơ quan, đơn vị có liên quan.

4.5. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030.

4.6. Nguồn lực thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

5. Chương trình thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (theo Kế hoạch số 25-KH/ĐU ngày 18/11/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị)

5.1. Mục tiêu

a. Đến năm 2030

- Về quy mô trường, lớp học: Trong nhiệm kỳ duy trì 100% trường đạt chuẩn quốc gia; có ít nhất 1 nhà đa năng cho mỗi cấp học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; 100% cơ sở giáo dục được trang bị ít nhất 1 phòng học thông minh. Phần đầu 87,5% (7/8) trường học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2. Duy trì 01 trường liên cấp Tiểu học & THCS;

- Về phổ cập giáo dục, học tập suốt đời: Xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; duy trì vững chắc phổ cập giáo dục tiểu học và THCS mức độ 3; phần đầu 95% người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương.

- Về chất lượng giáo dục mầm non, phổ thông: Xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng giáo dục phổ thông đại trà và mũi nhọn; bảo đảm chuẩn đầu ra các cấp học ở mức nâng cao, tiếp cận yêu cầu về năng lực công nghệ, trí tuệ nhân tạo và năng lực tiếng Anh ở bậc phổ thông.

- Về chuyển đổi số: 100% các trường học ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý, giảng dạy, kiểm tra và đánh giá; trên 95% trường phổ thông và trên 90% cơ sở mầm non đạt mức độ 2 về chuyển đổi số. Có 100% cơ sở giáo dục phổ thông triển khai các chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư số 02/2025/TTBGDDT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học. Phần đầu ít nhất 1/3 trường (đạt 33,3%) trung học cơ sở triển khai dạy ngoại ngữ hai, 100% trường phổ thông có câu lạc bộ ngoại ngữ hoặc chương trình giao lưu, trải nghiệm Quốc tế hàng năm; có 100% cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.

- Về chỉ số giáo dục đóng góp vào chỉ số phát triển con người (HDI) đạt trên 0,82; trong đó chỉ số bất bình đẳng giáo dục giảm xuống dưới 10%

b. Mục tiêu đến năm 2035

Phát triển giáo dục Thái Tân theo hướng hiện đại, sáng tạo, hội nhập quốc tế; đạt trình độ tiên tiến, góp phần cùng thành phố đạt mục tiêu thuộc nhóm địa phương tiêu biểu Đông Nam Á, từng bước tiếp cận chuẩn châu Á và thế giới. Hình thành và vận hành vững chắc hệ sinh thái giáo dục mở, học tập suốt đời gắn với khoa học - công nghệ - đổi mới sáng tạo, cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy phát triển bền vững, khẳng định vị thế trong công tác giáo dục; chỉ số giáo dục đóng góp vào HDI đạt tối thiểu 0,87; các chỉ số vốn con người và nghiên cứu đóng góp vào GII vượt mức bình quân của nhóm có thu nhập trung bình cao

c. Tầm nhìn đến năm 2045

Giáo dục Thái Tân hiện đại, sáng tạo, hội nhập quốc tế; đạt trình độ tiên tiến, góp phần vào thực hiện mục tiêu của Thành phố thuộc nhóm địa phương tiêu biểu

Đông Nam Á, tiếp cận chuẩn mực châu Á và thế giới. Hoàn thiện hệ sinh thái giáo dục mở, học tập suốt đời gắn với khoa học - công nghệ - đổi mới sáng tạo, cung ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành mũi nhọn, đóng vai trò động lực của vùng và quốc gia.

5.2. Hoạt động chính

- Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ để đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.
- Thực hiện cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để phát triển giáo dục và đào tạo.
- Tăng cường giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ và hình thành hệ giá trị con người Việt Nam trong thời đại mới.
- Chuyên đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo.
- Tập trung xây dựng đội ngũ nhà giáo và cơ sở vật chất đạt chuẩn, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông.

5.3. Cơ quan chủ trì tham mưu: UBND xã.

5.4. Cơ quan phối hợp: Các cấp ủy đảng; các cơ quan, đơn vị có liên quan.

5.5. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030.

5.6. Nguồn lực thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

6. Chương trình thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân (theo Kế hoạch số 24-KH/ĐU, ngày 18/11/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị)

6.1. Mục tiêu

a. Mục tiêu đến năm 2030

- Nâng cao thể lực, tâm vóc, tuổi thọ và chất lượng sống của Nhân dân; tăng chiều cao trung bình thanh thiếu niên, tuổi thọ đạt 76 tuổi, trong đó số năm sống khỏe mạnh tối thiểu 68 năm.
- Kiểm soát tốt các yếu tố nguy cơ, duy trì tỷ lệ tiêm chủng trên 95%, tăng tỷ lệ người dân tham gia hoạt động thể chất, bảo đảm 100% học sinh được chăm sóc sức khỏe định kỳ.
- Nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử; từng bước thực hiện miễn viện phí theo lộ trình.

- Cùng cố trạm y tế xã về cơ sở vật chất, nhân lực, nâng tỷ lệ khám chữa bệnh bảo hiểm y tế; đồng thời nâng tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế lên 96% vào năm 2026 và tiến tới bao phủ toàn dân vào năm 2030.

b. Tầm nhìn đến năm 2045

Xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh; người dân chủ động phòng bệnh, nâng cao sức khỏe; hệ thống y tế cơ sở được củng cố, từng bước hiện đại, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe. Các chỉ số sức khỏe và bao phủ dịch vụ y tế tăng cao; tuổi thọ trung bình đạt từ 80 tuổi trở lên, số năm sống khỏe mạnh trên 71 tuổi, tầm vóc, thể lực thanh niên đạt mức tương đương các địa bàn phát triển.

6.2. Hoạt động chính

- Đổi mới tư duy và nâng cao hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

- Tập trung củng cố, nâng cao năng lực trạm y tế, phát huy thế mạnh của y học cổ truyền.

- Nâng cao y đức, phát triển nhân lực y tế chất lượng, đồng bộ, đáp ứng sự hài lòng của người bệnh và hội nhập quốc tế.

- Tuyên truyền, vận động thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm y tế.

- Từng bước tham gia chuyên đổi số trong lĩnh vực y tế cơ sở.

- Đẩy mạnh phát triển y tế tư nhân, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển y tế.

6.3. Cơ quan chủ trì tham mưu: UBND xã.

6.4. Cơ quan phối hợp: Các cấp ủy đảng; các cơ quan, đơn vị có liên quan.

6.5. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030.

6.6. Nguồn lực thực hiện: từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

7. Chương trình thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới (theo Chương trình hành động số 05-CTr/TU, ngày 10/12/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy).

8. Chương trình thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 06/01/2026 về phát triển kinh tế nhà nước (theo Kế hoạch hành động số 37-KH/TU, ngày 12/3/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy).

9. Chương trình thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 07/01/2026 về phát triển văn hóa Việt Nam (theo Kế hoạch số 54-KH/ĐU, ngày 20/4/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy xã).

II. Triển khai các nhiệm vụ trọng tâm

1. Nhiệm vụ “Đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiện đại, bền vững”

1.1. Mục tiêu

- Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng hiện đại, bền vững; xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chủ yếu.

- Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn tăng bình quân trên 10,9%/năm, trong đó: khu vực nông nghiệp, thủy sản tăng bình quân 2,5%/năm; khu vực công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 11%/năm; khu vực dịch vụ tăng bình quân 12%/năm.

- Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn tăng bình quân bình quân 13,5%/năm.

1.2. Các hoạt động chính

- Phát triển ngành công nghiệp gắn với mục tiêu hiện đại hóa, thông minh hóa và xanh hóa.

- Thu hút đầu tư, phát triển mạng lưới chợ trên địa bàn xã nhằm đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp chợ. Phát triển mạnh thương mại điện tử, đến năm 2030 trên 80% dân số có tài khoản thanh toán điện tử.

- Phát triển nông nghiệp hàng hóa hiện đại, hiệu quả, bền vững, có cơ chế chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao gắn với bảo vệ môi trường.

1.3. Cơ quan chủ trì: UBND xã.

1.4. Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

1.5. Tiến độ, thời gian hoàn thành: Giai đoạn 2026 - 2030.

1.6. Nguồn lực thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

2. Nhiệm vụ “Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển các thành phần kinh tế”

2.1. Mục tiêu

- Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển các thành phần kinh tế, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập, tinh thần tự cường và khả năng cạnh tranh.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện trên địa bàn giai đoạn 2025 - 2030 đạt 200 tỷ đồng; hằng năm, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt 100%.

- Đến năm 2030, số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tăng gấp 2 lần; có 40% doanh nghiệp có hoạt động đổi mới, sáng tạo.

- Số cơ sở sản xuất kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp hằng năm đạt 5%.

2.2. Các hoạt động chính

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, số hóa dữ liệu và thủ tục đầu tư, xây dựng, đất đai. Số hóa, tích hợp thông tin các loại quy hoạch đang có hiệu lực trên địa bàn xã.

- Phát triển đa dạng, toàn diện các thành phần kinh tế, trong đó, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế.

- Triển khai vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân xây dựng và quảng bá thương hiệu.

2.3. Cơ quan chủ trì: UBND xã.

2.4. Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2.5. Tiến độ, thời gian hoàn thành: Giai đoạn 2026- 2030.

2.6. Nguồn lực thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

3. Nhiệm vụ “Tăng cường kỷ cương thu, chi ngân sách; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực”

3.1. Mục tiêu

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt, vượt kế hoạch thành phố giao.

3.2. Các hoạt động chính:

- Cơ cấu lại và tăng cường kỷ cương thu, chi ngân sách. Xây dựng cơ chế điều tiết ngân sách cấp xã.

- Triển khai toàn diện các cơ chế về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước để huy động mọi nguồn lực hợp pháp phát triển xã.

3.3. Cơ quan chủ trì: UBND xã.

3.4. Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

3.5. Tiến độ, thời gian hoàn thành: Giai đoạn 2026 - 2030.

3.6. Nguồn lực thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

4. Nhiệm vụ “Tăng cường công tác quy hoạch, phát triển đô thị, nông thôn”

4.1. Mục tiêu

Đến năm 2030 xã cơ bản đạt các tiêu chí của xã chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu.

4.2. Hoạt động chính

- Tổ chức lập, điều chỉnh, hoàn thiện các quy hoạch tạo không gian phát triển mới của xã.

- Chinh trang trật tự khu dân cư, hành lang giao thông. Phát triển nhà ở đồng bộ hạ tầng, phù hợp quy hoạch.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới; phát triển mạnh các sản phẩm OCOP đặc trưng.

4.3. Cơ quan chủ trì: UBND xã.

4.4. Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

4.5. Tiến độ, thời gian hoàn thành: Giai đoạn 2026 - 2030.

4.6. Nguồn lực thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

5. Nhiệm vụ “Phát triển kết cấu hạ tầng gắn với đẩy mạnh liên kết vùng”

5.1. Mục tiêu

Phát triển đồng bộ, hiện đại hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, tăng cường liên kết vùng, liên kết địa bàn.

5.2. Hoạt động chính

Đầu tư xây dựng các trục giao thông đường bộ là động lực phát triển kinh tế xã hội của xã.

5.3. Cơ quan chủ trì tham mưu: UBND xã.

5.4. Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

5.5. Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

5.6. Nguồn lực thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

6. Nhiệm vụ “Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu”

6.1. Mục tiêu

- Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên; bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường; chủ động phòng ngừa, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai.

- Hằng năm tỷ lệ dân số được dùng nước sạch đạt 100%; tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đạt 100%.

6.2. Các hoạt động chính

- Triển khai hiệu quả Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về chuyển đổi xanh thành phố Hải Phòng giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn 2050, đưa Hải Phòng đi đầu về phát triển xanh và bền vững trên địa bàn xã.

- Đẩy mạnh xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ môi trường, phòng, chống và giảm nhẹ tác động của thiên tai. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

6.3. Cơ quan chủ trì tham mưu: UBND xã.

6.4. Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

6.5. Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

6.6. Nguồn lực thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

7. Nhiệm vụ “Phát triển nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số”

7.1. Mục tiêu

Nâng cao năng lực nội sinh, sức cạnh tranh của kinh tế thông qua đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành, lĩnh vực chủ lực.

7.2. Hoạt động chính:

Thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các nghị quyết của Trung ương: Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

7.3. Cơ quan chủ trì tham mưu: UBND xã.

7.4. Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

7.5. Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

7.6. Nguồn lực thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

8. Nhiệm vụ “Phát triển văn hóa, xây dựng con người Thái Tân phát triển toàn diện và có giá trị bản sắc riêng; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, an sinh xã hội”

8.1. Mục tiêu

- Phát triển văn hóa ngang tầm với kinh tế; phát huy truyền thống quê hương giàu truyền thống văn hoá.

- Hằng năm, chỉ tiêu gia đình văn hoá đạt trên 90%; thôn văn hoá đạt 100%.

8.2. Các hoạt động chính:

- Lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích lịch sử trên địa bàn.

- Đầu tư thiết chế văn hóa, thể thao đồng bộ, hiện đại; đầu tư xây dựng, cải tạo, bổ sung trang thiết bị cho nhà văn hóa, sân thể thao các thôn trên địa bàn.

- Tổ chức các hoạt động văn hóa tuyên truyền về phòng chống ma túy.

- Tổ chức các giải thi đấu thể thao, hoạt động thể thao trên địa bàn xã.
- Triển khai hiệu quả các hoạt động an sinh, phúc lợi xã hội và nâng cao khả năng tiếp cận của các nhóm đối tượng, nhất là đối tượng yếu thế. Phấn đấu đến năm 2028, xã không còn hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giai đoạn 2026-2030.
- Triển khai Tháng hành động về An toàn - vệ sinh lao động hằng năm.

8.3. Cơ quan chủ trì tham mưu: UBND xã

8.4. Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, đơn vị có liên quan.

8.5. Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

8.6. Nguồn lực thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

9. Nhiệm vụ “Ưu tiên nguồn lực cho phát triển y tế, giáo dục và đào tạo chất lượng cao”

9.1. Mục tiêu

- Duy trì tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia đạt 100%.
- Đến năm 2030, có ít nhất 1 nhà đa năng cho mỗi cấp học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; 100% cơ sở giáo dục được trang bị ít nhất 1 phòng học thông minh.
- Đến năm 2030 đạt mục tiêu bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân.
- Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội đến năm 2030 đạt 62%-63% lực lượng lao động trong độ tuổi.
- Duy trì Trạm Y tế xã đạt chuẩn Quốc gia theo Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

9.2. Các hoạt động chính:

- Triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

- Triển khai thực hiện mô hình “*Trường học xã hội chủ nghĩa*”. Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội, thu hút đầu tư phát triển hệ thống giáo dục và đào tạo; đảm bảo cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cho các trường mầm non, phổ thông trên địa bàn xã.

- Tích cực xây dựng trường chuẩn quốc gia ở các cấp học, duy trì tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia lên 100%.

9.3. Cơ quan chủ trì tham mưu: UBND xã.

9.4. Cơ quan phối hợp: Các phòng, ban, ngành, địa phương liên quan.

9.5. Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

9.6. Nguồn lực thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

10. Nhiệm vụ “Tăng cường quốc phòng, an ninh”

10.1. Mục tiêu

- Tăng cường quốc phòng, an ninh; xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; bảo vệ vững chắc Tổ quốc.
- Hằng năm hoàn thành 100% chỉ tiêu tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ và tham gia nghĩa vụ công an nhân dân.
- Phấn đấu trở thành xã không ma túy vào năm 2027.

10.2. Các hoạt động chính

- Quán triệt, triển khai các nghị quyết, chỉ thị, kết luận về công tác quân sự, quốc phòng; triển khai xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; ứng phó kịp thời, hiệu quả các thách thức an ninh phi truyền thống.
- Nắm chắc tình hình, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động; bảo đảm an ninh chính trị, an ninh kinh tế, an ninh mạng, an toàn thông tin, an ninh tôn giáo, an ninh công nhân, an ninh xã hội, an ninh con người, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống.
- Kiên quyết đấu tranh, trấn áp các loại tội phạm; nhận diện, triệt tiêu từ gốc rễ các nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm; xây dựng Thái Tân trở thành thành xã ma túy.
- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; thực hiện thành công Đề án 06 của Chính phủ, phát huy hiệu quả các nhóm tiện ích của Đề án góp phần thúc đẩy chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính.
- Nâng cao chất lượng giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng. Thực hiện hiệu quả công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ; tiếp nhận, dạy nghề và tạo việc làm cho bộ đội xuất ngũ.
- Chỉ đạo lực lượng vũ trang duy trì nghiêm chế độ sẵn sàng chiến đấu. Thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh; tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn.
- Chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang “tinh, gọn, mạnh”. Xây dựng và nâng cao chất lượng hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên. Tập trung thực hiện xây dựng lực lượng Công an thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; củng cố, phát huy hiệu quả hoạt động của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.
- Chỉ đạo thực hiện tốt chính sách đối với người có công, chính sách quân đội và hậu phương quân đội và các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”.

10.3. Cơ quan chủ trì tham mưu: UBND xã.

10.4. Cơ quan phối hợp: Công an xã; Ban chỉ huy Quân sự xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan.

10.5. Thời gian thực hiện: Thường xuyên.

10.6. Nguồn lực thực hiện: Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức quán triệt, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Chương trình hành động và Kế hoạch này với các giải pháp cụ thể, đồng bộ, sát thực tiễn; bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

2. Ban Xây dựng Đảng

- Chủ trì tham mưu tổ chức quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Thành ủy và Kế hoạch này; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

- Phối hợp các cơ quan chuyên trách, tham mưu, giúp việc Đảng ủy cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ theo chức năng; theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

3. Đảng bộ Ủy ban nhân dân xã

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch này; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp; xác định rõ tiến độ, nguồn lực thực hiện.

- Chủ động rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung Kế hoạch phù hợp với tình hình thực tiễn và các chủ trương mới; tăng cường huy động nguồn lực, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026- 2030.

4. Hội đồng nhân dân xã

Tăng cường giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch; rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách theo thẩm quyền, tạo điều kiện thuận lợi thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội.

5. Văn phòng Đảng ủy

Chủ trì, phối hợp với UBND xã và các cơ quan liên quan tham mưu theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện; định kỳ hằng năm, giữa nhiệm kỳ và cuối nhiệm kỳ tham mưu sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện.

6. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy

Tham mưu xây dựng và thực hiện chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm đối với việc triển khai Kế hoạch; kịp thời báo cáo, đề xuất Ban Thường vụ Đảng ủy chỉ đạo xử lý các vấn đề phát sinh.

7. Ủy ban MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị- xã hội xã

Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện Chương trình hành động và Kế hoạch; tham gia giám sát, phản biện xã hội đối với các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của xã.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, căn cứ tình hình thực tế và đề xuất của các cơ quan, đơn vị, Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch nhằm bảo đảm thực hiện hiệu quả mục tiêu tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026- 2030 và định hướng đến năm 2045, phù hợp với điều kiện thực tiễn của xã.

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy (*để báo cáo*),
- Ban Chấp hành Đảng bộ xã,
- Lãnh đạo HĐND- UBND,
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy,
- UB MTTQ và các tổ chức CT-XH xã,
- Các Chi, Đảng bộ trực thuộc Đảng ủy,
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**

Mạc Lê Phi